

Số: 2788 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 Của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3052/SKHĐT-VP ngày 22 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết và trả kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Danh mục thủ tục hành chính này và quy trình chuẩn hóa trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan mình.
2. Triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính này trên Cổng Dịch vụ công tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TT.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TOÀN BỘ QUY TRÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THUỘC THẨM QUYỀN SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2788 /QĐ-UBND ngày 31 /10/ 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC	Ghi chú
I.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp	
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
2.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
3.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
4.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
5.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
6.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
7.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
8.	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
9.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
10.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
12.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
13.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
14.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận	

	đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
15.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
17.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
18.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
19.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
20.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
21.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
II.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	
22.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
23.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	
24.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
25.	Công khai hoạt động của DN xã hội	
III.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	
26.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	
IV.	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	
27.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	
28.	Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH